

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 12 - 2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và ông Nguyễn Minh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2021/TLST - HNGĐ ngày 01/10/2021 về việc: "Tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm: xxxx; ĐKKHKT tại: Tổ H, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm: xxxx; ĐKKHKT tại: Tổ H, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2021, lời tự khai nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày: Chị về chung sống với anh Phạm Văn Q từ năm 2003, có đăng ký kết hôn hợp pháp đúng như nội dung công văn số 705/UBND ngày 16/11/2021 của UBND xã T, huyện H (nay là thành phố H) gửi đến Tòa án. Lý do chị không có giấy chứng nhận kết hôn để nộp vì khi chuyển chỗ ở đã làm mất, sau đó chị cũng đến UBND xã T để xin xác nhận nhưng được trả lời không có trong sổ đăng ký kết hôn, chính vì vậy chị phải làm đơn khởi kiện xin không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Q. Trước khi về chung sống anh chị không có thời gian tìm hiểu nhau mà theo sự sắp đặt của hai bên gia đình. Thời gian đầu anh chị chung sống cùng gia đình nhà chồng ở phường C, thành phố C, đến năm 2015 thì chuyển về phường C, thành phố C sinh sống. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến chị và các con, không tôn trọng, không bàn bạc bất cứ công việc gì với chị mà tự mình quyết định, nhất là việc phát triển kinh tế, anh Q thường xuyên làm thất

thoát kinh tế trong gia đình, chị không biết anh Q làm gì nhưng chị đã nhiều lần phải trả nợ cho anh ấy, từ đó anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã khiến không khí trong gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi. Vì thương các con còn nhỏ nên chị đã nhiều lần nói chuyện với anh Q để tìm cách khắc phục nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn lại tiếp tục xảy ra khiến tình cảm anh chị dành cho nhau đều mất dần. Anh chị không tin tưởng, yêu thương nhau nữa, chị cảm thấy mệt mỏi không muốn tiếp tục chung sống với anh Q nữa nên chị quyết định sống ly thân, chị đưa hai con đi thuê nhà ở còn anh Q vẫn ở tại nhà cũ. Anh chị cũng không tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm dành cho nhau không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

+ Về con chung: Chị và anh Phạm Văn Q chỉ có 02 con chung là Phạm Thu T – sinh ngày x/xx/xxxx (hiện đã thành niên và hoàn toàn khỏe mạnh) và Phạm Quốc A – Sinh ngày x/xx/xxxx. Anh Q có quan điểm anh chị còn có một con chung dự định đặt tên là Phạm Quang H, sinh ngày x/xx/xxxx là không đúng, đây là cháu con của em gái chị gửi chị nuôi dưỡng. Từ khi sống ly thân các con chung đã ở cùng với chị, con chung Phạm Quốc A cũng có nguyện vọng được chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị và anh Q cũng đã thỏa thuận được chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Quốc Anh, anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung là 1.500.000đ/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng) chị hoàn toàn nhất trí, hiện chị làm lao động tự do, thu nhập bình quân là 6.000.000 đồng/tháng cùng với sự cấp dưỡng của anh Q chị cũng đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung phát triển tốt. Anh Q được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: Không có.

* Tại lời tự khai, tại phiên hòa giải và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn Q trình bày: Anh và chị Tạ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H (nay là thành phố H) nhưng sau đó do phải chuyển đổi chỗ ở anh chị đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn nên không có để nộp tại Tòa án, do đó UBND xã T, thành phố H có công văn trả lời anh chị có đăng ký kết hôn là đúng. Trước khi kết hôn vợ chồng anh có thời gian tìm hiểu vài tháng, sau khi kết hôn anh chị về sống tại phường Cẩm T, thành phố C cho đến năm 2016 thì chuyển đến sống tại tổ H, khu A, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh phát hiện chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh có nói chuyện để chị H thay đổi nhưng chị H lại có phản ứng tiêu cực, cư xử không đúng mực với anh và khẳng định không còn tình cảm dành cho anh nữa. Anh chị cũng cho nhau nhiều cơ hội thay đổi bản thân nhưng chỉ trong thời gian ngắn mâu thuẫn vợ chồng lại xảy ra, tình cảm mất dần, anh chị không có sự tin tưởng, yêu thương nhau nữa nên anh chị quyết định sống ly thân. Chị H đưa các con đi nơi khác ở, thời gian sống ly thân anh chị không tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Gia đình hai bên hòa giải nhiều lần cho vợ chồng anh nhưng cũng không đạt

kết quả. Tại bản tự khai anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng Hn gắn cùng nuôi dạy các con chung, tại phiên hòa giải anh khẳng định vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm dành cho nhau không còn, chị H xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai anh Q cho rằng vợ chồng anh có 03 con chung là: Phạm Thu T – sinh ngày x/xx/xxxx (hiện đã thành niên và hoàn toàn khỏe mạnh) và Phạm Quốc A – Sinh ngày x/xx/xxxx và con chung chưa làm giấy khai sinh nhưng đặt tên theo dự định là Phạm Quang H sinh ngày x/xx/xxxx. Đến phiên hòa giải và đơn xin xử án vắng mặt anh Q thay đổi quan điểm cho rằng anh chị có 02 con chung là Phạm Thu T (hiện đã thành niên, hoàn toàn khỏe mạnh nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết) và Phạm Quốc A, anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, hiện anh kinh doanh tự do, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000 đồng/tháng, anh đảm bảo được việc cấp dưỡng cho con. Đến nay anh chưa có chứng cứ tài liệu chứng minh anh và chị H còn có một con chung dự định đặt tên là Phạm Quang H, khi nào anh cung cấp được thì anh sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết; Công nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tạ Thị H, chị H được ly hôn với anh Phạm Văn Q và được quyền nuôi dưỡng con chung là Phạm Quốc Anh cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Tạ Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Phạm Văn Q hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng”. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, do các đương sự có quan điểm không thống nhất, Tòa án đã tiến thu thập tài liệu chứng cứ và theo nội dung công văn của UBND xã T, thành phố Hạ Long khẳng định chị Tạ Thị H và anh Phạm Văn Q có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 27/12/2002 theo quyền số 01/1999, trang số 14, do vậy Tòa án xác

định lại quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời tự khai, quan điểm trình bày của anh Phạm Văn Q và công văn số 705/UBND ngày 16/11/2021 của UBND xã Thống Nhất, thành phố H cũng như quan điểm của chị Tạ Thị H tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định cuộc hôn nhân giữa chị Tạ Thị H và anh Phạm Văn Q là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H (nay là thành phố H) vào năm 2002 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn thời gian đầu anh chị về sống tại phường C, thành phố C sau đó chuyển về sống tại nhà riêng ở tổ H, khu A, phường C, thành phố C. Về thời gian chung sống hạnh phúc của anh chị khai không thống nhất với nhau nhưng cả chị H và anh Q đều khẳng định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân theo chị H trình bày là do anh Q không quan tâm đến chị và các con, không có trách nhiệm với gia đình còn anh Q thì cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, cả hai anh chị đều khẳng định vợ chồng không có sự tin tưởng tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn kéo dài, anh chị đã cho nhau cơ hội nhưng vẫn không khắc phục được, gia đình hai bên cũng hòa giải nhiều lần mà vẫn không đạt kết quả. Anh chị đã quyết định sống ly thân nhau, quá trình sống ly thân anh chị không tìm biện pháp gì để khắc phục, tình cảm dành cho nhau không còn. Mâu thuẫn của chị H và anh Q cũng phù hợp với lời khai của cả 02 con chung của anh chị và cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Q.

* Về con chung: Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ xác định chị H và anh Q có 02 con chung là Phạm Thu T – sinh ngày x/xx/xxxx (hiện đã thành niên và hoàn toàn khỏe mạnh) và Phạm Quốc A – Sinh ngày x/xx/xxxx. Trong quá trình giải quyết vụ án, con chung Phạm Quốc A có nguyện vọng được chị H nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn, cả hai anh chị cũng đều có quan điểm chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Quốc A cho đến tuổi thành niên, anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung 1.500.000 đồng/tháng. Đại diện khu phố nơi anh chị cư trú cũng cho biết “đề nghị Tòa án tôn trọng nguyện vọng của các cháu và xem xét điều kiện của anh chị để giao con chung”. Xét thấy thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao con chung Phạm Quốc A cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp và cũng như đảm bảo được các điều kiện cho sự phát triển cho con chung của anh chị. Anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng

12/2021 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (tròn 18 tuổi), anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình giải quyết vụ án anh Q có quan điểm anh chị còn có 01 con chưa làm giấy khai sinh, dự kiến đặt tên là Phạm Quang H – sinh ngày x/xx/xxxx, Tòa án cũng đã yêu cầu anh Q cung cấp chứng cứ chứng minh anh Q và chị H còn có con chung là Phạm Quang H, tuy nhiên anh Q không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Khi anh Q có tài liệu chứng cứ liên quan đến con chung dự kiến đặt tên Phạm Quang H thì anh Q có thể khởi kiện vụ án xác định con chung của anh chị sau khi ly hôn.

* Về tài sản chung: Chị Tạ Thị H và anh Phạm Văn Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật; anh Phạm Văn Q phải chịu án phí cấp dưỡng cho con chung.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tạ Thị H và anh Phạm Văn Q.

2. Về con chung: Chị Tạ Thị H và anh Phạm Văn Q 02 con chung là Phạm Thu T – sinh ngày xx/xx/xxxx (hiện đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh) và Phạm Quốc A – Sinh ngày xx/x/xxxx. Giao con chung là Phạm Quốc A cho chị Tạ Thị H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Phạm Quốc A 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2021 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp ngày xx/x/xxxx theo biên lai số: 0005977 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả. Anh Phạm Văn Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng cho con.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị

đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường xã T, TP H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Quynh

